TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN – VIMICO

Số: 696 /BC-TMC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 4 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2016

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN – VIMICO
- Tên viết tắt: TMC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 460010003. Đăng ký lần đầu ngày 10/5/2005. Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01/7/2014 (chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV sang loại hình công ty cổ phần).
- Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi tỷ đồng).*
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 180.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Tổ 6, Phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 0280. 3847229
- Số fax: 0280. 3847097
- Website: kimloaimau.com.vn
- Mã cổ phiếu: TMG

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico tiền thân là Xí nghiệp Liên hợp Luyện kim màu Bắc Thái trực thuộc Bộ Cơ khí Luyện kim được thành lập theo Quyết định số 349-CL ngày 25/9/1979 của Thủ Tướng Chính Phủ. Ngày 12/11/2004 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ký Quyết định số 130 về việc chuyển Công ty thành Công ty TNHH NN MTV Kim loại màu Thái Nguyên.

Thực hiện Quyết định số 525/QĐ-VINACOMIN ngày 03/4/2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty và Quyết định số 212/QĐ-TKV ngày 21/02/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/7/2014.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

3.1. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Khai thác quặng sắt; khai thác quặng không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đúc kim loại màu;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Xây dựng công trình kỹ thuật và dân dụng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ; Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;

3.2. Một số sản phẩm chính của Công ty sản xuất

- Tinh quặng kẽm hàm lượng 51%;
- Tinh quặng chì hàm lượng 50-51% Pb;
- Kẽm thỏi hàm lượng 99,75% Zn;
- Axits Sunfuaric hàm lượng 92-96% H2SO4

3.3. Địa bàn kinh doanh

Địa bàn sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung tại 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn, trong đó hoạt động khai thác và chế biến tinh quặng tập trung tại huyện Chợ Đồn - tỉnh Bắc Kạn và huyện Đồng Hỷ - tỉnh Thái Nguyên. Hoạt động chế biến kim loại tập trung tại khu công nghiệp Sông Công - thành phố Sông Công - tỉnh Thái Nguyên. Công ty có quan hệ kinh doanh hợp tác với các khách hàng trên phạm vi cả nước.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty.
- Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Ban Giám đốc Công ty gồm: Giám đốc, 3 Phó Giám đốc và 1 Kế toán trưởng.
- Các phòng chức năng Công ty gồm 09 phòng: (sơ đồ trang tiếp theo)

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ

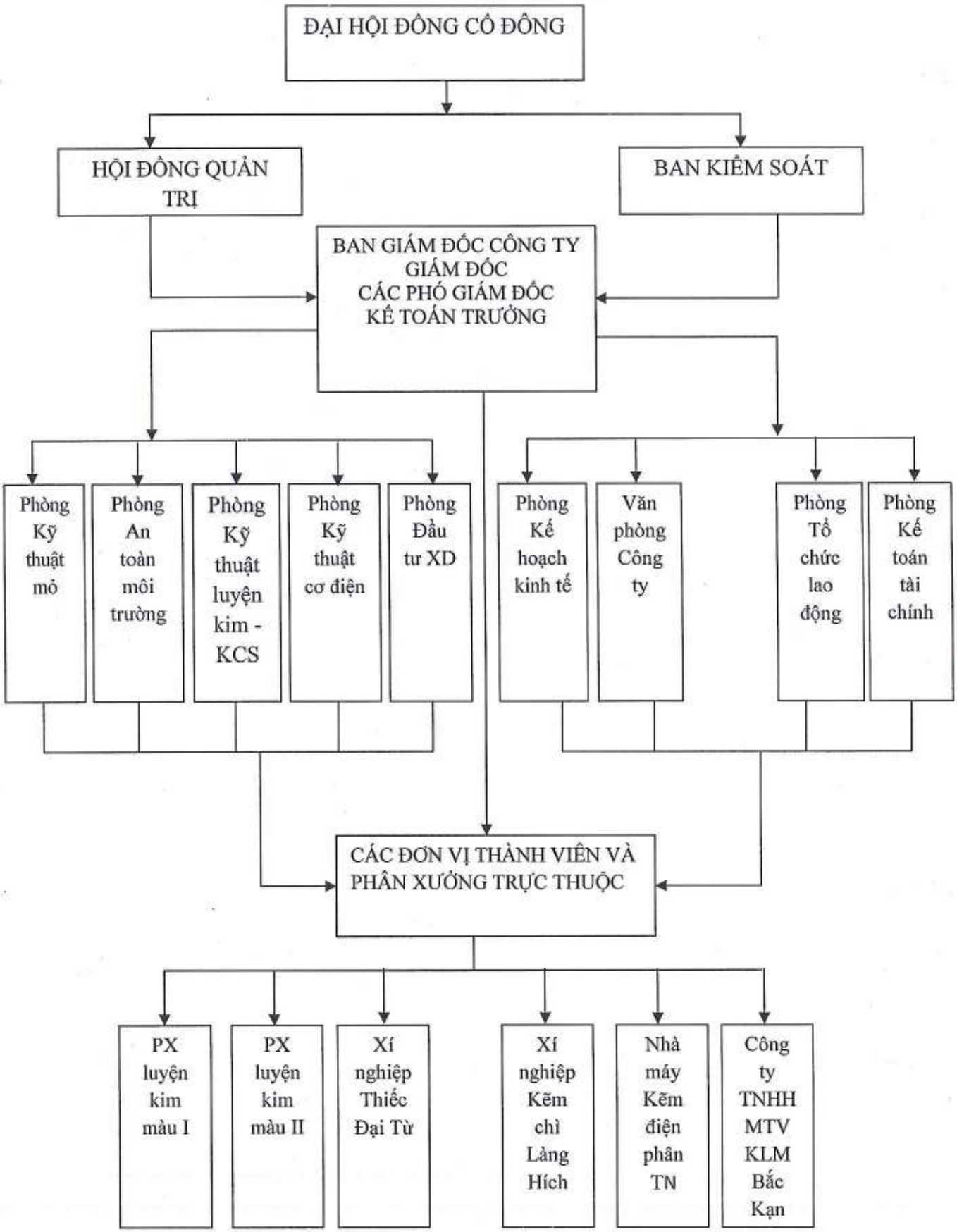

4.2. Tổ chức kinh doanh

- Hiện nay TMC là Công ty cổ phần được tổ chức sản xuất theo mô hình Công ty mẹ - công ty con, trong đó Công ty mẹ gồm: Văn phòng Công ty, Phân xưởng Luyện kim màu 1, Phân xưởng Luyện kim màu 2, Xí nghiệp thiếc Đại từ, Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích và Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên. Công ty con là Công ty kim loại màu Bắc Kạn.

- Các khâu sản xuất của Công ty được thực hiện theo cơ chế khoán quản chi phí: Đối với các đơn vị trực thuộc thực hiện theo kế hoạch SXKD công ty giao, đối với công ty con thực hiện qua hợp đồng phối hợp sản xuất kinh doanh. Sản phẩm sản xuất ra được tiêu thụ tập trung tại công ty mẹ.

4.3. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Hội đồng quản trị gồm 1 Chủ tịch và 4 thành viên, trong đó 1 thành viên kiêm Giám đốc công ty. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm.

- Ban kiểm soát gồm 01 Trưởng ban kiểm soát và 4 kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của BKS là 5 năm.

- Giám đốc công ty: Là người đại diện theo pháp luật của công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của công ty, điều hành kế hoạch giao khoán, kế hoạch phối hợp và kinh doanh của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

- Phó Giám đốc: Hiện nay có 03 Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của công ty; giúp Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty:

+ Văn phòng Công ty: có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý văn phòng; quản trị hành chính; bảo vệ quân sự, công tác văn hóa xã hội, công tác cộng đồng, văn nghệ thể thao.

+ Phòng Tổ chức Lao động: có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy quản lý; công tác cán bộ, lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, y tế và công tác thanh tra pháp chế.

+ Phòng Tài chính Kế toán: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý hệ thống tài chính, kế toán, thống kê toàn Công ty.

+ Phòng Kế hoạch Kinh tế: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác xây dựng và quản lý kế hoạch sản xuất và giá thành sản phẩm toàn Công ty; công tác kinh doanh bán hàng, cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và vận tải hàng hóa.

+ Phòng Đầu tư Xây dựng: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng công trình, và quản lý đất đai toàn Công ty.

+ Phòng Kỹ thuật Mỏ: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác quản lý công nghệ khai thác mỏ, trắc địa mỏ, địa chất thăm dò, địa chất mỏ, công tác tuyển khoáng, quy hoạch khoáng sản.

+ Phòng Kỹ thuật Luyện kim - KCS: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc quản lý về công nghệ, kỹ thuật luyện kim, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

+ Phòng Kỹ thuật Cơ điện: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc thực hiện quản lý về công tác cơ điện của Công ty.

+ Phòng An toàn - Môi trường: có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

4.4. Các đơn vị trực thuộc, Công ty con, Công ty liên doanh

a) Các đơn vị trực thuộc

- Phân xưởng Luyện kim màu 1: Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Phân xưởng Luyện kim màu 2: Phường Tân Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên: Khu công nghiệp Sông Công, thành phốSông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích: Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Xí nghiệp thiếc Đại Từ: Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

b) Công ty con

- Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Cạn - TMC là công ty con của Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimicosở hữu 100% vốn góp.

c) Công ty liên doanh

- Công ty liên doanh công nghiệp kẽm Việt Thái: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sở hữu 40% vốn góp.

5. Định hướng phát triển của Công ty

5.1. Mục tiêu phát triển

Trở thành nhà sản xuất và cung ứng sản phẩm kẽm thỏi với khối lượng lớn, chất lượng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, phấn đấu tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững. Tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Phát triển công nghệ khai thác chế biến khoáng sản tiên tiến đồng bộ, phù hợp với điều kiện sản xuất của công ty. Nâng cao năng lực sản xuất, năng xuất, chất lượng, giá trị gia tăng cũng như giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Tập trung đầu tư phát triển ngành khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản (tuyển khoáng, luyện kim); trọng tâm là sản phẩm Kẽm thỏi, Thiếc, tinh quặng chì.

- Phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản - luyện kim theo hướng hiện đại, thu hồi tối đa tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Phấn đấu trở thành nhà sản xuất, cung ứng giữ vai trò quan trọng trong việc sản xuất và kinh doanh sản phẩm kẽm thỏi kim loại.

5.2. Chiến lược phát triển

Trên cơ sở định vị phương hướng, mục tiêu phát triển. Công ty xác định các biện pháp cụ thể:

a) Phát triển tài nguyên và nguồn nguyên liệu: Thăm dò bổ sung, nâng cấp trữ lượng, đánh giá hết tiềm năng khoáng sản ở các mỏ đang quản lý. Tiếp tục đầu tư cho công tác khảo sát, thăm dò khoáng sản chuẩn bị đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

- Điều phối, sử dụng hợp lý các nguồn lực về tài nguyên, thiết bị khai thác để tổ chức SXKD hoạt động khoáng sản đạt hiệu quả cao nhất.

b) Phát triển công nghệ (Khai thác - Tuyển khoáng - Luyện kim)

Tăng cường quản lý tài nguyên, khai thác triệt để các loại quặng nghèo và quản lý chặt chẽ ranh giới mỏ, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo trong khai thác, đảm bảo thực hiện theo quy định của Nhà nước. Thực hiện đảm bảo chỉ tiêu hệ số bóc và các thông số kỹ thuật khai trường bằng cách:

- Tiếp tục cơ giới hoá trong khai thác hầm lò, nâng cao chất lượng quặng, giảm tỷ lệ tổn thất và làm nghèo quặng trong khi thác, khai thác triệt để tài nguyên quặng nghèo, giảm ô nhiễm môi trưởng do khai thác quặng gây ra.

- Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư nâng cấp hoàn thiện công nghệ và thiết bị tuyển khoáng, nâng cao thực thu và chất lượng sản phẩm, nghiên cứu các giải pháp tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện và nâng cấp chất lượng phòng phân tích KCS của Công ty đáp ứng như cầu ngày càng cao trong phân tích hàm lượng phục vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời bên cạnh đó đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng làm công tác KCS hiện nay.

c) Nâng cao năng lực quản lý

- Công tác khoán quản trị chi phí: Tiếp tục thực hiện công tác giao khoán theo định mức tới từng tổ đội, phân xưởng, công đoạn sản xuất. Quy định rõ trách nhiệm của người lao động với từng thiết bị sản xuất, đồng thời gắn năng xuất lao động, chất lượng sản phẩm với thu nhập của người lao động. Có chế độ khen thưởng động viên khuyến khích kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích cao trong lao động sản xuất.

- Công tác tài chính kế toán: Tiếp tục thực hiện chế độ kế toán thống kê theo quy định của Nhà nước và chế độ kế toán áp dụng trong TKV. Xây dựng mô hình kế toán phân tán kết hợp tập trung tuỳ thuộc quy mô và đặc thù của từng đơn vị. Đối với Công ty mẹ, thực hiện hạch toán phụ thuộc tại các chi nhánh, tổng hợp kết quả SXKD toàn công ty. Vốn kinh doanh hạch toán tập trung tại văn phòng công ty, các chi nhánh được giao quản lý, sử dụng, hạch toán tài sản và nhận nợ với văn phòng công ty.

Tiếp tục tập trung dòng tiền trên cơ sở tiêu thụ sản phẩm tập trung toàn công ty. Công ty Mẹ thu xếp tối đa nhu cầu vốn lưu động bằng việc thanh toán, ứng tiền hàng để đơn vị sản xuất và sau đó giao nộp và tiêu thụ sản phẩm nội bộ. Vốn trung dài hạn thu xếp tập trung tại công ty mẹ, công ty con khi có nhu cầu được thu xếp vốn thông qua hình thức bảo lãnh vay trên cơ sở hạn mức và lãi xuất vay của công ty Mẹ.

d) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Rà soát đổi mới cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng lao động tại các đơn vị đặc biệt là tại một số đơn vị có số lao động lớn, hiệu quả sản xuất kinh doanh

thấp. Thực hiện công tác tuyển dụng, tiếp nhận, sử dụng, bố trí lao động đúng ngành nghề đào tạo để phát huy sở trường và kinh nghiệm làm việc. Tạo những cơ hội tốt về thu nhập và khả năng phát triển. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV và người lao động. Cải thiện điều kiện về môi trường làm việc, quan hệ cộng đồng, gia đình xã hội.Có chính sách đãi ngộ đặc thù đối với nguồn nhân lực chất lượng cao đặc biệt là đối tượng lao động trong các lĩnh vực khai thác hầm lò, luyện kim chế biến sâu, đối tượng lao động có nguyện vọng gắn bó lâu dài với đơn vị.

6. Các rủi ro và quản trị rủi ro

- Rủi ro về kinh tế: Ngành khai thác khoáng sản cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành công nghiệp trong nền kinh tế. Vì vậy, sự phát triển của nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam, tạo ra sức cầu quan trọng đối với ngành khoáng sản. Nhiều mặt hàng của Việt Nam chiếm tỉ trọng thấp so với thế giới nên giá bán các sản phẩm này phụ thuộc vào mặt bằng giá thế giới. Vì vậy nếu nền kinh tế toàn cầu suy thoái, sức cầu giảm sẽ dẫn đến giá bán nhiều loại khoáng sản giảm sút. Trong khoảng thời gian cuối năm 2014 đến đầu năm 2016, với sự giảm mạnh của giá nhiên liệu, giá bán nhiều loại khoáng sản đã giảm mạnh khiến kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty bị ảnh hưởng. Đây là những rủi ro rất lớn mà các doanh nghiệp trong ngành trong đó có công ty phải đối mặt.

Bên cạnh đó do sản phẩm của công ty được tham chiếu theo giá giao dịch thị trường quốc tế sử dụng niêm yết theo giá đồng đô la Mỹ (USD) nên biến động về tỷ giá có thể mang lại bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Rủi ro pháp lý: Hệ thống pháp luật liên quan đến các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khoáng sản chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ tạo ra nhiều trở ngại và khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành. Những thay đổi về chính sách khai thác, sử dụng khoáng sản, cách tính thuế của Nhà nước trong thời gian tới sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hoạt động của các doanh nghiệp khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào vấn đề bảo vệ tài nguyên - môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên… các khoản thu phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí cấp quyền khai thác mỏ ngày càng cao cũng sẽ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, việc cấp giấy phép khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến và tiêu thụ khoáng sản hiện nay vẫn còn nhiều bất cập. Thời hạn khai thác các mỏ của TMC phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ.

Thời hạn cấp phép khai thác mỏ thường kéo dài và là một rủi ro trong hoạt động của công ty.

- Rủi ro về đất đai: Hiện nay công ty đang được nhà nước giao quản lý sử dụng diện tích đất lớn trên địa bàn 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Công ty cũng dự kiến phải làm thủ tục thuê đất và đền bù giải phóng mặt bằng tại một số địa phương của tỉnh Thái Nguyên để chuẩn bị cho công tác triển khai một số dự án đầu tư trọng điểm, do đó việc quản lý, sử dụng diện tích đất trên có thể có các rủi ro, khó khăn không lường trước. Những thay đổi của nhà nước, Luật Đất đai có thể phát sinh các chi phí làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, đầu tư của Doanh nghiệp như tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng.

- Rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên: Ngành khoáng sản có đặc thù là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí và thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu)... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế - kỹ thuật thì rủi ro chi phí chìm sẽ là rất lớn. Mặc dù các công ty khai khoáng đều thực hiện những nghiên cứu, khảo sát và đánh giá về điều kiện địa chất mỏ, tuy nhiên những nghiên cứu này không thể lường trước hết những biến động bất thường của tự nhiên. Việc đánh giá không chính xác về địa chất và về trữ lượng khoáng sản có thể khai thác sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của TMC.

- Rủi ro đặc thù khai thác, chế biến: Trong quá trình khai thác, ngoài các sản phẩm thu được thì kèm theo đó là các chất thải, phế thải độc hại và do hoạt động trong điều kiện ngoài trời, doanh nghiệp còn phải chịu các rủi ro về thiên tai, lũ lụt, rủi ro xảy ra tai nạn lao động, rủi ro gây ô nhiễm môi trường... dẫn tới việc phải tăng các chi phí hoạt động của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Các chỉ tiêu chủ yếu

- Giá trị sản lượng công nghiệp: Đạt 148.036 tr.đ bằng 105,5% KHN và bằng 101,6% so với thực hiện năm 2015.

- Tổng doanh thu: 625.743 tr.đ bằng 119,4% KHN và bằng 123,1% so với thực hiện năm 2015. Trong đó doanh thu sản xuất khoáng sản 612.186 tr.đ; Doanh thu khác 13.557 tr.đ.

- Nộp ngân sách: 85.168 tr.đ, bằng 136,8% KHN và bằng 118% so với thực hiện năm 2015.

- Giá trị Đầu tư xây dựng: Đạt 22.171 tr.đ, bằng 57,5% KHN điều chỉnh và bằng 84,1% so với thực hiện năm 2015.

- Lợi nhuận trước thuế: Đạt 74,3/29,2 tỷ đồng, bằng 254,5% KHN và bằng 252,8% so với thực hiện năm 2015.

- Tiền lương BQ thực lĩnh (có bổ sung lễ, tết): 7.803.000 đ/ng/tháng đạt 129.1% KHN và bằng 113,8% so với năm 2015.

- Lao động sử dụng bình quân trong kỳ: 1.320 người, đạt 92,6% KHN và bằng 94,9% so với thực hiện năm 2015.

b) Sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

** Sản phẩm, bán thành phẩm sản xuất*

- Kẽm thỏi 99,95% đạt 10.727/10.800 tấn, bằng 99.3% KH năm và bằng 101,8% so với thực hiện năm 2015;

- Axits sunfuaric 96% đạt 13.970/13.000 tấn, bằng 107,5% KH năm và bằng 103% so với thực hiện năm 2015;

- Quặng kẽm sunfua đạt 117.025 tấn/117.355 tấn, bằng 100% KH năm và bằng 103,5% so với thực hiện năm 2015;

- Tinh quặng kẽm sunfua đạt 16.274/15.800 tấn, bằng 103% KH năm và bằng 104% so với thực hiện năm 2015;

- Tinh quặng chì sunfua đạt 2.417/2.000 tấn, bằng 121% KH năm và bằng 124,5% so với thực hiện năm 2015;

- Quặng chì ôxít đạt 1.790/1.600 tấn, bằng 111,8% KH năm và bằng 117,9% so với thực hiện năm 2015;

- Bột ôxit kẽm 60% đạt 2.081 tấn/3.000 tấn, bằng 69,4% KH năm và bằng 66,8% so với thực hiện năm 2015;

** Sản phẩm tiêu thụ*

- Kẽm thỏi 99,95% đạt 10.968/10.800 tấn bằng 101,6 %KH năm và bằng 106,6% so với thực hiện năm 2015;

- Axits sunfuaric 96% đạt 11.247/9.840 tấn bằng 114,3% KH năm và bằng 105,9% so với thực hiện năm 2015;

- Tinh quặng chì 50% đạt 3.270/2.000 tấn bằng 163,5% KH năm và bằng 259,6% so với thực hiện năm 2015;

- Quặng chì ôxit 20%Pb đạt 2.508/1.600 tấn, bằng 156,8% KH năm và bằng 275,2% so với thực hiện năm 2015.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

2.1.1 Ông Bùi Tiến Hải – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty.

- Năm sinh: 1976

- Trình độ: Thạc sỹ tuyển khoáng

- Quá trình công tác: Ông Bùi Tiến Hải đã đảm nhiệm các vị trí công tác: Là cán bộ kỹ thuật xí nghiệp chế biến Zircon-titan , cán bộ phòng kỹ thuật thuộc Tổng công ty khoáng sản và thương mại Hà tĩnh (2001-2005); học tập và nghiên cứu tại UCRAINA, Phó TP tuyển khoáng TCT khoáng sản - Vinacomin (2009-2011), Phó Giám đốc công ty khoáng sản luyện kim Cao Bằng; từ 1/6/2014 đến nay là Giám đốc Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico kiêm Chủ tịch Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn - TMC.

- Sở hữu đại diện Tổng công ty Khoáng sản -TKV: 2.700.000 cổ phần

2.1.2. Ông Nguyễn Văn Khanh – Phó Giám đốc Công ty

- Năm sinh: 1960

- Trình độ: Kỹ sư khai thác mỏ

- Quá trình công tác: Từ tháng 5/1987 đến tháng 4/1995 là nhân viên kỹ thuật, Phó trưởng phòng, Trưởng phòng kỹ thuật, Chuyên viên trực tuyến thuộc Ban giám đốc mỏ Ăngtymoan Hà Tuyên. Từ tháng 5/1995 đến tháng 2/2006 là Phó Giám đốc xí nghiệp ăng tymon Chiêm Hóa, Tuyên Quang. Từ tháng 3/2006 đến tháng 5/2014: Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng, Phó GĐ Công ty TNHH MTV KLM Thái Nguyên. Từ tháng 6/2014 đến nay là Phó Giám đốc Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

- Sở hữu: 2.800 cổ phần

2.1.3. Ông Nguyễn Văn Định – Phó Giám đốc Công ty

- Năm sinh: 1958

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác: Từ tháng 12/1979 đến tháng 12/1987 là công nhân luyện kim, phó quản đốc, trưởng ca điều độ của Xí nghiệp liên hợp Luyện kim màu. Từ tháng 1/1988 đến tháng 10/1990 đi hợp tác lao động tại CHDC Đức. Từ tháng 11/1990 đến tháng4/2006 là công nhân luyện kim, Quản đốc, Trưởng phòng, Phó Giám đốc xí nghiệp Luyện kim màu II. Từ tháng 5/2006 đến tháng 2/2007 đảm nhận chức vụ Phó Giám đốc nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên. Từ tháng 3/2007 đến tháng 9/2009 là Giám đốc Công ty Kim loại màu Bắc Kạn. Từ tháng 10/2009 đến tháng 6/2014 là Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn. Từ tháng 7/2014 đến nay là Phó Giám đốc Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

- Sở hữu: 3.400 cổ phần

2.1.4. Ông Bùi Huy Tuấn – Phó Giám đốc Công ty

- Sinh năm : 1975

- Trình độ đào tạo: Kỹ sư luyện kim

- Quá trình công tác: Từ tháng 12/2001 đến tháng 4/2006 là cán bộ kỹ thuật tại Phòng kỹ thuật luyện kim Công ty KLM Thái Nguyên. Tháng 5/2006 đến tháng 7/2008 là Trưởng phòng kỹ thuật tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên. Tháng 8/2008 đến tháng 11/2010 là Phó Trưởng phòng Kỹ thuật luyện kim của Công ty TNHH MTV kim loại màu Thái Nguyên. Tháng 12/2010 đến tháng 02/2013 là cán bộ kỹ thuật, Phó Trưởng phòng kỹ thuật luyện kim của Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin. Tháng 3/2013 đến tháng 11/2013 là Phó Giám đốc Công ty luyện đồng Lào Cai. Từ tháng 12/2013 đến tháng 6/2014 là Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên. Từ tháng 7/2014 đến nay là Phó Giám đốc Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

- Sở hữu: 0 cổ phần

2.1.4. Ông Lại Trí Cường

- Năm sinh: 1985

- Trình độ nghề nghiệp: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác: Nhân viên kế toán Công ty cơ khí đóng tàu TKV; Chuyên viên kế toán tổng hợp của Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin. Từ tháng 10/2015 đến nay là Kế toán trưởng, Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

- Sở hữu: 0 cổ phần

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2016, Ban điều hành của Công ty ổn định không có sự thay đổi.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tổng số lao động:	1.312 người
+ Lao động nam:	984 người
+ Lao động nữ:	328 người
- Loại hợp đồng lao động	
+ HĐLĐ không xác định thời hạn:	1.173 người
+ HĐLĐ từ 12 đến 36 tháng:	139 người
- Trình độ lao động	
+ Trên đại học:	03 người
+ Đại học:	287 người
+ Cao đẳng:	25 người

+ Trung học: 394 người

+ Công nhân kỹ thuật: 603 người

(Số liệu tính đến thời điểm ngày 31/12/2016)

2.4. Chính sách đối với người lao động

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước, Công ty đã ban hành hệ thống thang, bảng lương áp dụng tại Công ty, đồng thời đăng ký với cơ quan quản lý lao động tại địa phương và đã được chấp thuận là cơ sở để Công ty thực hiện áp dụng thống nhất trong toàn Công ty, và thực hiện chế độ BHXH với cơ quan bảo hiểm của địa phương.

Song song với đó, Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động: chính sách tiền lương, tiền thưởng, khen thưởng, kỷ luật, nội quy lao động, chế độ nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, BHXH, ốm đau, thai sản, bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, tuyển dụng, bồi dưỡng độc hại, tiền ăn ca, tham quan nghỉ mát,quỹ phúc lợi... được duy trì đầy đủ đúng quy định giúp người lao động yên tâm công tác, gắn bó làm việc lâu dài với Công ty

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

Giá trị đầu tư năm 2016 đạt 22.110/36.989 tr. đồng bằng 59,8% KH năm điều chỉnh. Cơ cấu đầu tư: xây lắp 52,6%; Thiết bị 40,1%; quản lý, tư vấn khác 7,3%. Nguồn vốn đầu tư: vốn tự có và vốn vay ngân hàng thương mại.

b) Tình hình thực hiện các dự án

Nhìn chung giá trị đầu tư năm 2016 của Công ty đạt thấp. Trong năm Công ty triển khai thực hiện 03 dự án đầu tư trọng điểm gồm:

- Dự án cải tạo nâng cao chất lượng Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên: Thực hiện triển khai lập dự án điều chỉnh trình Đại hội cổ đông xem xét phê duyệt.

- Dự án đầu tư khai tuyển mỏ kẽm chì Cúc Đường: Triển khai thi công các gói thầu số 4 (Đường vào khu xưởng tuyển); gói thầu số 5 (San gạt mặt bằng phân xưởng tuyển và hồ chứa đuôi thải tuyển khoáng) và gói thầu số 7 (Hệ thống điện cao thế).

- Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ thiếc gốc tiểu khu phía nam, khu tây Núi Pháo: Hiện vẫn đang trong giai đoạn xin cấp giấy phép khai thác mỏ.

Bên cạnh đó, trong năm 2016 Công ty cũng triển khai các công trình đầu tư duy trì sản xuất. Trong đó chủ yếu tập trung đầu tư tại các đơn vị sản xuất nhằm tăng cường cơ giới hóa, nâng cao năng suất lao động. Giá trị đầu tư duy trì sản xuất là 16.115 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Chênh lệch
1	Tổng giá trị tài sản	462. 563	447. 152	-15. 411
2	Doanh thu thuần	504. 868	620.753	115.885
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	76. 277	123.915	47.638
4	Lợi nhuận khác	2. 481	2. 022	-459
5	Lợi nhuận trước thuế	29. 394	74. 307	44.913
6	Lợi nhuận sau thuế	22. 772	58 230	35.458
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	11%	28%	

* Các chỉ tiêu khác

Chỉ tiêu	Mã số (*)	Năm 2016	Năm 2015
1	*2*	*3*	*4*
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	620 752 755 782	504 868 112 377
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	620 752 755 782	504 868 112 377
4. Giá vốn hàng bán	11	496 838 393 612	428 590 823 419
5. LN gộp về bán hàng và CCDV	20	123 915 362 170	76 277 288 958
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	223 354 136	130 506 676
7. Chi phí tài chính	22	7 953 518 697	8 092 361 073
- Trong đó chi phí lãi vay	23	3 895 188 963	7 547 186 402
8. Chi phí bán hàng	25	1 158 901 167	1 395 977 702
9. Chi phí quản lý Doanh nghiệp	26	42 741 044 978	40 006 249 761
10. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	30	72 285 251 464	26 913 207 098
11. Thu nhập khác	31	4 765 563 750	3 518 558 878
12. Chi phí khác	32	2 743 210 559	1 037 025 636
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	2 022 353 191	2 481 533 242
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50	74 307 604 655	29 394 740 340